

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 24/2024/DSST

Ngày: 28/8/2024

V/v: “*Tranh chấp kiện đòi
tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN THÀNH, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Lợi; ông Trần Giai Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải- Thư ký TAND thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc: tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-DS ngày 24/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đặng Gia N**, sinh năm 1966. Vắng mặt

Địa chỉ: **Khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.**

Ông **N** uỷ quyền cho ông **Vũ Văn X**, sinh năm 1979; bà **Hoàng Thúy H**, sinh năm 1993; ông **Trần Tuấn L**, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Bà **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 2001. Xin vắng mặt.

Địa chỉ: **Số A đường N, khu C, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh C**, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Địa chỉ: **Khu phố T, phường G, T, Bắc Ninh.**

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị L1**, sinh năm 1971. Vắng mặt

Địa chỉ: **Khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.**

Bà **L1** uỷ quyền cho ông **Vũ Văn X**, sinh năm 1979; bà **Hoàng Thúy H**, sinh năm 1993; ông **Trần Tuấn L**, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Bà **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 2001. Xin vắng mặt.

Địa chỉ: **Số A đường N, khu C, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Giữa ông **Đặng Gia N** và ông **Nguyễn Thanh C** là người cùng làng, ông **N** đã nhiều lần cho ông **C** vay tiền, cụ thể:

Ngày 28/3/2015 (ÂL) ông **N** có cho ông **C** vay số tiền 160.000.000đ và cùng ngày ông **N** cho ông **C** vay số tiền 30.000.000đ.

Ngày 17/4/2015 ông **N** có cho ông **C** vay số tiền 20.000.000đ.

Các giấy vay tiền không ghi thời hạn trả nợ và không có lãi suất.

Quá trình thanh toán ông **C** mới thanh toán cho ông **N** số tiền 30.000.000đ, hiện nay ông **C** còn nợ số tiền 180.000.000đ. Ông **N** đã nhiều lần yêu cầu ông **C** trả số tiền vay nhưng ông **C** không trả.

Nay ông **N** yêu cầu ông **C** trả vợ chồng ông số tiền nợ gốc là 180.000.000đ. Ông **N** không yêu cầu ông **C** phải thanh toán tiền lãi.

Phía bị đơn ông **Nguyễn Thanh C** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc nên không lấy được lời khai của ông **C**.

Tại phiên tòa bà **Nguyễn Thị Thùy D** xin vắng mặt và tại đơn đề nghị bà **D** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông **Nguyễn Thanh C** có trách nhiệm hoàn trả cho ông **N**, bà **L1** số tiền gốc 180.000.000 đồng. Ông **N** không yêu cầu ông **C** phải trả tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS;

Điều 116, 117, 119, 278, 280, 166 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Đặng Gia N** buộc ông **Nguyễn Thanh C** phải trả ông **N**, bà **L1** số tiền 180.000.000đ.

+ Ông **C** phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Ông **Đặng Gia N** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông **Nguyễn Thanh C** địa chỉ tại **khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh** phải trả số tiền gốc là 180.000.000đ theo hợp đồng vay ngày 28/3/2015 (ÂL) và ngày 17/4/2015 nên Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm

quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-DS ngày 24/7/2024 thời gian xét xử được ấn định vào ngày 12/8/2024. Ngày 12/8/2024 phiên toà hoãn do ông C vắng mặt nên phiên toà được ấn định vào ngày 28/8/2024.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Thùy D có đơn xin vắng mặt. Ông Nguyễn Thanh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Nội dung vụ án:

Giữa ông N, bà L1 với ông C là người cùng làng. Theo ông N, bà L1 Ngày 28/3/2015 (ÂL) ông N có cho ông C vay số tiền 160.000.000đ và cùng ngày ông N cho ông C vay số tiền 30.000.000đ. Ngày 17/4/2015 ông N tiếp tục cho ông C vay số tiền 20.000.000đ. Các giấy vay tiền không ghi thời hạn trả nợ và không có lãi suất. Quá trình thanh toán ông C mới thanh toán cho ông N số tiền 30.000.000đ, hiện nay ông C còn nợ số tiền 180.000.000đ. Ông N đã nhiều lần yêu cầu ông C trả số tiền vay nhưng ông C không trả.

Xét giấy vay tiền ngày 28/3/2015 (ÂL) ông N cho ông C vay số tiền là 160.000.000đ và cùng ngày cho vay số tiền 30.000.000đ; ngày 17/4/2015 ông N cho ông C vay số tiền là 20.000.000đ. Giấy vay không có lãi suất và không có thời hạn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông C lên làm việc nhưng ông C không lên làm việc nên không lấy được ý kiến trình bày của ông C.

Như vậy, theo các giấy vay tiền thì hai bên đã ký kết hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không có lãi suất. Việc ký kết hợp đồng vay tiền ngày 28/3/2015 (ÂL) và ngày 17/4/2015 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đó, ông N khởi kiện buộc ông C phải trả cho vợ chồng ông số tiền vay là có căn cứ.

Quá trình thanh toán ông N trình bày ông C đã thanh toán trả số tiền 30.000.000đ, còn lại số tiền 180.000.000đ ông C chưa thanh toán.

Do đó, ông N yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh C phải trả số tiền gốc đã vay là 180.000.000đ là có căn cứ được chấp nhận.

Đối với lãi suất quá trình giải quyết người đại diện theo uỷ quyền của ông N không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Gia N buộc ông C phải có trách nhiệm trả cho ông N, bà L1 số tiền nợ gốc là 180.000.000đ.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 116, 117, 119, 278, 280, 166 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Đặng Gia N.**

Buộc ông **Nguyễn Thanh C** phải trả ông **Đặng Gia N**, bà **Phạm Thị L1** số tiền nợ gốc là 180.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không chịu trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông **Nguyễn Thanh C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 9.000.000đ.

Hoàn trả ông **Đặng Gia N** số tiền 4.500.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0003399 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND thị xã Thuận Thành;
- Chi cục THADS thị xã Thuận Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP;

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Xuân Phong
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lợi – Trần Giai Thương

Ngô Xuân Phong

